

Nhân đọc bài tiểu luận của TS Vĩnh Đào,

thử nêu ra vài đặc điểm khác của Văn hóa Việt Nam. qua vai trò người Phụ nữ, và các tổ chức lễ lạc, đình đám.



Nguyễn Thanh Trìng JJR 57

Tôi tuy chưa được diện kiến với Tiến sĩ Vĩnh Đào, nhưng tôi đã được nghe nhắc đến tên anh qua những lúc hàn huyên với anh chị tôi -Nguyễn Thanh Viêm- tại Úc, và tôi được biết anh cũng từng tham gia rất tích cực các sinh hoạt của Hướng Đạo trong cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại. Tôi rất thán phục anh không những qua các hoạt động hướng đạo, mà còn ngưỡng mộ anh qua những sáng tác văn hóa và các bài thuyết trình của anh trong những tổ chức có tính cách văn hóa của Cộng Đồng Việt Nam tại Pháp cũng như của Hội Cựu Học Sinh của Trường Trung Học JJ Rousseau tại Pháp. Trong tổ chức này, anh đã từng giữ chức vụ then chốt.

Lại một lần nữa, tôi lại có dịp "làm quen" với anh qua bài tiểu luận rất có giá trị của anh đăng trong Tập San Bạch Mã, tháng 12 / 2012, mà tôi được đọc trong thời gian tôi tạm trú tại nhà của bào huynh tôi là anh Nguyễn Thanh Viêm ở Canberra..

Hôm nay, sau khi đọc bài : "Bàn về đặc điểm của văn hóa Việt Nam", tôi vô cùng cảm phục sự nhận thức sắc bén của anh về tinh thần bất khuất và quật khởi của dân tộc Việt nhờ đó mà dân tộc ta tuy bị đặt dưới ách thống trị hà khắc trên một ngàn năm đô hộ của người Tàu, từ hơn 100 năm trước Tây lịch cho đến thế kỷ thứ 10 và với một ý đồ hủy diệt nền văn hóa của dân Lạc Việt, tiếng Việt vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Tiến sĩ Vĩnh Đào qua bài tiểu luận kể trên, đã giúp tôi suy nghĩ thêm về một vài nét đặc thù của văn hóa Việt Nam.

Chúng ta phải nhìn nhận hơn một ngàn năm bị cai trị bởi người Tàu, các sĩ phu của nước ta đã thấm nhuần nền văn minh và văn hóa của Trung Hoa. Khổng Học cùng với đạo Lão cũng như đạo Phật đã du nhập vào nước ta vào thế kỷ thứ II. Phải nhìn nhận rằng các giới sĩ phu vào thời kỳ đó đã được hấp thụ nhiều về Khổng giáo. Và dần dần, Khổng giáo được truyền bá trong dân gian, cùng lúc với Phật Giáo và Lão giáo.

Khổng giáo với những giáo điều đặt thêm ra từ đời Hán, từ đời Tống,(960-1126) như tam tòng tứ đức, tam cương, những giáo điều đặc ra để bắt ép người đàn bà phải lệ thuộc vào cha mẹ, lúc có chồng lệ thuộc vào chồng.

Nhưng, trong dân gian, những ép buộc bất công mà Khổng giáo đã dành cho người phụ nữ ít được nghe theo hay áp dụng trong thực tế của đời sống hằng ngày. Điều này đã được nhận xét ngay từ thế kỷ thứ XV trong bộ luật Hồng Đức dưới thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497). Deloustal, sau khi nghiên cứu bộ luật Hồng Đức, đã đưa ra một nhận xét như sau : *"Bộ luật nhà Lê đã rất trùng hợp với phong tục Việt Nam, dành cho người phụ nữ một địa vị ngang hàng với người chồng."*¹ Người phụ nữ có một vai trò rất quan trọng trong gia đình Việt Nam, và rất được kính nể.

Bốn thế kỷ sau, Bộ Luật Gia-Long ra đời (1813). Được mô phỏng theo Bộ Luật Trung Hoa thời Mãn Thanh (1280-1386), hoàn toàn chịu ảnh hưởng các giáo điều của luân lý đạo Khổng, bộ luật này đánh dấu một sự thụt lùi đáng kể cho thân phận người đàn bà Việt-Nam.

Tuy nhiên, nếu trên lý thuyết người phụ nữ Việt-Nam bị lệ thuộc vào người chồng, trên thực tế, họ giữ một vai trò của họ trong gia đình ngoài xã hội, cũng như trong lãnh vực nghề nghiệp, như Silvestre đã nhìn nhận: *" Các bà phụ nữ ở Bắc Việt cũng như ở Nam Việt không phải là các bà có cặp chân nhỏ, bị giữ trong nhà như các bà phụ nữ bên Trung Hoa. Họ ra ngoài đồng ruộng, làm một phần lớn công việc đồng áng, trong lúc các trai trẻ bị trưng dụng bởi việc tuần canh và tạp dịch cho nhà vua"*²

¹ Deloustal, *Justice dans l'ancien Annam*, Hanôï, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1911, p. 202 « *Il (le Code des Lê) est bien d'accord avec les mœurs annamites qui assignent à la femme dans la maison une place égale au mari.*

² Silvestre, *L'Empire d'Annam*, Paris, 1889. p.. 126- « *Les femmes au Tonkin et en Cochinchine, ne sont pas des femmes à petits pieds et retenues, comme en Chine, à la maison. Elles vont aux champs dont elles font en grande partie la culture, les hommes étant pris par le service de la milice et les corvées du roi* »

Thật vậy, nếu luật pháp, còn chịu ảnh hưởng Khổng giáo, đã hạ giá vai trò và địa vị của người phụ nữ Việt-Nam, họ đã gây được sự nể nang và kính phục của nam giới bởi vai trò kinh tế của họ trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Câu ca dao và câu tục ngữ sau đây nói lên vai trò cần thiết của người vợ bên cạnh chồng, trong công việc làm ăn cũng như sự vị nể của chồng đối với vợ:

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa

hay

Lệnh ông không bằng công bà

Theo sự mô tả địa vị người phụ nữ Trung Hoa qua tác phẩm của C. Meyer, cũng như qua các bài trong tờ báo Phụ nữ diễn đàn, (1929-1934), thì đàn bà bên Trung Hoa ít được trọng đãi hơn người phụ nữ ở Việt Nam. Tác giả cuốn sách "Histoire de la femme chinoise", C. Meyer đề cập đến những trường hợp đáng thương của người phụ nữ Tàu, được coi như món hàng trao đổi giữa hai gia đình, những cô gái Tàu bị ép duyên, không còn cách nào thoát hơn là tự sát trên đường lên xe hoa về nhà chồng. Theo C. Meyer, người đã từng sống nhiều năm bên Tàu, và rất có rất có công nghiên cứu về quốc gia ấy, ngay sau cách mạng 1921, thân phận của người phụ nữ Trung Hoa cũng không sáng sủa hơn. Hẳn nhiên chúng ta không kể những trường hợp ngoại lệ đã xảy ra như bà Tống Mỹ Linh, Giang Thanh... đã từng làm mưa làm gió một thời trên chính trường Trung Hoa.

Có lẽ vì quen với phong tục và tập tục của quốc gia họ, nên người Hoa qua Việt Nam lập nghiệp, hay sinh đẻ ở Việt Nam cũng không thoát khỏi cách đối xử của người đồng hương của họ: chúng ta có thể đưa ra những bằng chứng cụ thể qua các tác phẩm của học giả Vương Hồng Sển, hay qua các bài phóng sự của các ký giả Phụ nữ diễn đàn. Họ coi việc đa thê là không phải là trường hợp ngoại lệ, và cha mẹ cũng khuyến khích con mình có vợ nhỏ. Họ không cho người vợ ăn cùng một mâm với họ, và coi đàn bà như một cái máy đẻ, để phục họ ban ngày, vấn đề bếp núc và ban đêm vấn đề sinh lý. Trong sách "Métisse blanche", Kim Le févre cũng diễn tả nỗi thống khổ của người đàn bà Việt Nam đã phải kết duyên với người Hoa.

Tất cả những điều vừa kể trên để đi đến một kết luận là người Việt Nam, mặc dầu chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Trung Hoa, nhưng, nếu ta hiểu trong từ ngữ văn hóa có "bao gồm ngôn ngữ, tư tưởng, thói quen, nếp sống, các tập tục, lễ nghi..." nước ta có một nền văn hóa khác hẳn với nền văn hóa mà nước thống trị đã có.

Điều đó có thể nhận xét qua các tục lệ người Việt Nam trong những tổ chức hội hè, đình đám sau ngày mùa, qua những nghi lễ cưới hỏi.

Mặc dầu có sự cấm đoán của quan lại, được đào tạo qua khuôn mẫu của Khổng học, coi sự gần gũi của trai gái là điều cấm kị qua câu "nam nữ thọ thọ bất thân", các cuộc hội hè đình đám tổ chức nơi các làng xã nói lên được một nét văn hóa cổ truyền của người Việt. Đặc điểm văn hóa cổ truyền được may mắn thoát khỏi cái quá trình đồng hóa của người Trung Hoa.

Trong những ngày lễ này, thường được tổ chức sau ngày mùa, các trai gái trong làng có dịp tiếp xúc nhau, có quyền giao du thân mật với nhau mà không có sự cấm đoán của cha mẹ.

Chúng tôi xin đơn cử ra đây vài tục lệ còn sót lại từ thời xa xưa :

Ở Bắc Ninh, trong các ngày lễ ấy, người con gái có quyền "quyến rũ" cậu trai nào mà cô thích. Trong các cuộc thi ca hát được tổ chức giữa trai và gái, ngay cả những cô đã có chồng cũng được quyền tham dự. Hay hơn nữa, nếu các cô này, trong cuộc thi, tìm ra được cậu trai có tài hát hay, cô có quyền mời cậu trai ấy về nhà. Người chồng của cô thay vì giận dữ vì ghen tuông, lại lấy làm hãnh diện có được người vợ mà tài ca hát (xướng ca) lỗi kéo được sự ái mộ của kẻ khác.

Trong khuôn khổ bé nhỏ của bài này, chúng tôi không có thể nêu ra một cách đầy đủ những tục lệ còn sót lại, ghi đậm vài nét văn hóa cổ truyền của người Việt còn sót lại, sau trên một ngàn năm bị đô hộ, như tục lệ cheo cưới, tục lệ gửi rể, v.v...

Ca dao, một kho tàng của nền văn học Việt Nam, được truyền tụng từ đời này qua đời khác, không những chỉ phát họa, với bao nét linh động, sự đầm đàng và khả năng lao động của người phụ nữ, mà còn giúp ta phát hiện được đời sống tình cảm vừa phong phú vừa lãng mạn của các bà các cô gái Việt sống nơi thôn dã, vừa giản dị vừa tự nhiên và tinh nghịch.

Qua ca dao, ta tìm thấy được cái quyền của người phụ nữ Việt Nam, hoàn toàn bình đẳng với chồng, trong công việc làm ăn cũng như trong đời sống tình cảm, và đến một lúc nào đó, nếu ông "ăn chửi" bà cũng sẵn sàng "ăn nem".

Cung cách của người đàn bà trong ca dao khác hẳn với cung cách của người đàn bà được phát họa qua các tác phẩm của văn chương bác học, của các nhà nho chịu ảnh hưởng sau đậm nền văn hóa ngoại lai. Nó diễn tả, một

cách giả tạo, cuộc đời tình cảm của các cô gái được khép kín trong khuê phòng qua các tác phẩm của Đặng Trần Côn, Đoàn thị Điểm...; cuộc sống của họ không khác gì những người đàn bà Trung Hoa.

Các tác phẩm trong văn chương bình dân cũng nói lên được quyền của người đàn bà, của người con gái được quyền lựa chọn ý trung nhân của mình, được quyền yêu thương người khác một khi bị phản bội. Nhưng quyền này của phái nữ, ta cũng không tìm thấy trong các tác phẩm, ngoài Bắc, trước năm 45, của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Những nhân vật phái nữ của Nhất Linh, Khái Hưng cũng được phát họa như một người đàn bà gương mẫu, bị lệ thuộc vào nền đạo đức Khổng Mạnh, không có quyền tái giá, không có quyền ghen hay trả thù một ông chồng bạc bẽo,³ đúng theo câu tục ngữ: "ông ăn chả, bà ăn nem."

Vậy, ta có thể nói rằng văn chương bình dân, ca dao cũng phản ánh một đặc điểm của nền văn hóa Việt Nam còn sót lại sau khi dân Lạc Việt bị "Tàu hóa" về khía cạnh văn học.

Sự tách rời khỏi ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa lại càng nổi bật hơn nữa qua cuộc nam tiến của dân tộc Việt Nam: khi đạo Khổng, vì những lý do chính trị và hoàn cảnh mới của cuộc sống, không còn được sùng bái một cách quá đáng, tại miền Nam, một xã hội mới được tạo dựng, khác biệt, ở nhiều khía cạnh, với xã hội miền Bắc. Trong bối cảnh đó thì vai trò người phụ nữ Việt Nam càng nổi bật thêm; qua các tác phẩm của các văn sĩ miền Nam, như Hồ Biểu Chánh, chính người đàn bà đóng một vai trò rất quan trọng, hoàn toàn chủ động, trong mọi sinh hoạt gia đình. Người đàn bà ấy, qua phát họa của Hồ Biểu Chánh, không những có toàn quyền trong gia đình, mà còn dám loại chồng ra khỏi những quyết định quan trọng như việc dựng vợ gã chồng, việc quản trị tài sản hay ngân sách trong gia đình. Có phải đây là sự trở về cội nguồn, một khi ảnh hưởng Khổng giáo không còn ngự trị trong xã hội miền Nam nữa. Trường hợp này phù hợp với câu văn của Boileau " *Ban cứ từ bỏ bản chất của mình, nó sẽ trở lại với một vận tốc phi mã*".⁴

Điều này có thể phù hợp với một trong những nét độc đáo của nền văn hóa dân Lạc Việt, được cụ thể hóa qua sự phát hiện của Trống Đồng, tiêu biểu cho nền văn minh Lạc Việt. thời các vua Hùng Vương.

Ngày nay, chúng ta không ai mà không ngưỡng mộ Hai Bà Trưng, có phải chăng lòng ngưỡng mộ gần như quý mến đó nói lên được nỗi luyến tiếc trong tiềm thức chung của một dân tộc đối với một nền văn hóa đã bị mai một? Và, có phải chăng sự xuất hiện một vị nữ anh hùng đã đánh đuổi được quân xâm lược vào đầu thế kỷ I cũng là dữ kiện chứng minh rằng dân tộc ta, thời Lạc Việt, vai trò của người đàn bà đã nổi bật, vì, nếu bà Trưng chỉ là một phụ nữ hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng, núp bóng từng phu, thì làm sao có thể dựng cờ khởi nghĩa, cầm đầu một đạo quân để xua đuổi được Tô Định phải chạy trốn về Tàu, sau khi chồng bà bị thảm sát? Vâng, tôi nghĩ rằng người Việt chúng ta vẫn từ xưa quý trọng người phụ nữ, và người số 1 được quý ông ngưỡng mộ là vợ mình. Và người đàn bà Việt Nam, qua sự đảm đang, quán xuyến, biết cách xoay xở trong mọi hoàn cảnh đã xứng đáng được sự ngưỡng mộ đó. Phải chăng đó cũng là nét đặc thù của nền văn hóa cổ truyền Việt Nam?



³ Nhân vật Mai trong "Gánh hàng hoa" và Nhung trong "Lanh Lùng"

⁴ Boileau, Art Poétique, « *chassez le naturel, il revient au galop* »